

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lãnh Văn Việt.

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130A/2020/QĐST-HPT ngày 30/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim T, sinh năm 1978 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Kép 2B, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Đặng Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Dương Văn T kết hôn với nhau vào năm 1996, trước khi cưới có được tự do, tìm hiểu, tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vào ngày 27/12/1996. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, Mâu thuẫn vợ chồng

phát sinh từ tháng 5/2019 nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy con, vợ chồng sống chung trong một mái nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm, không còn yêu thương quý trọng nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Gia Đường Anh T - sinh ngày 24/10/1997 và Dương Gia Tuấn A, sinh ngày 18/9/2001. Các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự lao động để nuôi dưỡng bản thân. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ chung, đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị xin được chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2020 anh Dương Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị Kim T từ năm 1996 trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị T về sống chung với anh. Quá trình chung sống anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn gì xảy ra, vợ chồng chỉ phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ nhặt, vợ chồng vẫn sống chung với nhau một nhà. Chị T xin ly hôn anh mong muốn chị T về đoàn tụ, anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Gia Đường Anh T sinh ngày 24/10/1997 và Dương Gia Tuấn A, sinh ngày 18/9/2001. Các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự lao động để nuôi dưỡng bản thân. Nếu phải ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Đặng Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Dương Văn T. Bị đơn là anh Dương Văn T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Bị đơn anh Dương Văn T không thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim T, cho chị Đặng Thị Kim T được ly hôn anh Dương Văn T.

- Về con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị Kim T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Dương Văn T được ly hôn. Bị đơn anh Dương Văn T là người có địa chỉ cư trú tại thôn Kép 2B, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn T đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 30/12/2020 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Thắng vắng mặt không lý do, đồng thời triệu tập lần thứ hai, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Dương Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim T và anh Dương Văn T kết hôn với nhau vào năm 1996, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục

đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Giang, Lục Ngạn, Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5 năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có chung quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy các con, vợ chồng sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Tại phiên tòa chị T khẳng định không còn yêu thương quý trọng anh T điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Kim T để xử cho chị T và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Đặng Thị Kim T và anh Dương Văn T sinh được hai người con chung Dương Gia Đường Anh T, sinh ngày 24/10/1997 và Dương Gia Tuấn A, sinh ngày 18/9/2001. Cả chị T và anh T đều xác định các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự lao động để nuôi dưỡng bản thân, không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung, đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đặng Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Kim T được ly hôn anh Dương Văn T.
2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001624 ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Đặng Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Hồng Giang;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hiếu